

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
<i>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2016</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016</i>	9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016</i>	10 - 50

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nông Dược HAI

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN- TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ.

Công ty Cổ Phần Nông Dược HAI ("Công ty"), là Công ty Cổ Phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301242080 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2005 thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Doãn Văn Phương	CTHĐQT
2 Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám Đốc/ Ph. CTHĐQT
3 Ông Lê Thành Vinh	Ủy viên
4 Ông Ngô Văn Thu	Ủy viên
5 Ông Lê Văn Säck	Ủy viên
6 Bà Nguyễn Bình Phương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

1 Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám đốc
2 Ông Ngô Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc
3 Ông Nguyễn Huỳnh Đăng	GD Tài chính - KTT (miễn nhiệm ngày 1/4/2016)
4 Ông Phạm Thanh Vương	PGĐ - Kế toán trưởng (bỏ nhiệm ngày 1/4/2016)

Ban Kiểm soát:

1 Ông Nguyễn Thiện Phú	Trưởng ban
2 Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên
3 Ông Trần Thế Anh	Thành viên

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: MT/2017/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được lập ngày 05/03/2017 và trình bày từ trang 06 đến trang 50 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

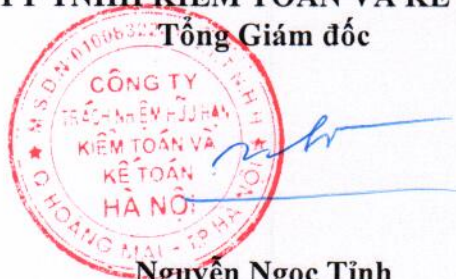
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán, được lập thành 09 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty Cổ phần Nông Dược HAI giữ 08 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNĐKHNKT số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNĐKHNKT số: 0928-2013-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.629.209.524.593	2.043.987.153.925
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.260.186.287	22.493.429.896
1.Tiền	111		37.260.186.287	22.493.429.896
2.Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	287.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.000.000.000	287.500.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		958.270.207.972	760.276.926.495
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	865.039.512.888	714.374.137.190
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	101.791.157.154	32.057.365.062
3.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	16.945.740.079	38.136.281.260
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(27.691.371.287)	(26.478.100.155)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6.3	2.185.169.138	2.187.243.138
IV.Hàng tồn kho	140	V.7	585.896.738.960	917.784.520.858
1.Hàng tồn kho	141		585.896.738.960	917.784.520.858
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		30.782.391.374	55.932.276.676
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.1	11.958.821.697	3.025.516.971
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.789.411.224	52.846.198.796
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.14.2	34.158.453	60.560.909
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		534.315.027.852	120.665.682.300
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	10.000.000	10.000.000
II.Tài sản cố định	220		127.208.819.817	107.108.276.124
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	67.287.718.009	45.766.940.142
- Nguyên giá	222		102.402.365.940	74.888.150.339
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.114.647.931)	(29.121.210.197)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	59.921.101.808	61.341.335.982
- Nguyên giá	228		73.869.030.183	73.762.212.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.947.928.375)	(12.420.876.019)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.812.554.515	1.201.692.397
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.812.554.515	1.201.692.397
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		389.320.179.000	1.158.300.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	54.877.640.000	2.249.390.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.3	(962.390.000)	(1.091.090.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	335.404.929.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.963.474.520	11.187.413.779
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.2	6.648.823.242	3.713.402.068
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18a	1.035.590.979	456.238.436
3. Lợi thế thương mại	269	V.11.3	6.279.060.299	7.017.773.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.163.524.552.445	2.164.652.836.225

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		815.602.401.196	870.827.471.656
I. Nợ ngắn hạn	310		764.161.726.422	870.552.455.867
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	211.810.985.310	356.093.044.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.283.759.411	103.084.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	16.634.125.101	11.989.052.055
4. Phải trả người lao động	314		4.899.098.154	6.827.161.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.373.396.526	2.972.530.214
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	11.227.655.454	6.181.993.863
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.281.713.558	2.644.485.467
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.1	488.139.072.484	479.527.278.197
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.511.920.424	4.213.825.243
II. Nợ dài hạn	330		51.440.674.774	275.015.789
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.2	51.398.405.305	
2. Thuế TN hoãn lại phải trả	341	V.18b	42.269.469	275.015.789
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.347.922.151.249	1.293.825.364.569
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.347.922.151.249	1.293.825.364.569
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.951.290.021	36.964.490.021
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.256.485.197	18.466.264.723
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.721.236.031	65.401.469.825
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		48.407.545.614	35.347.953.443
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.313.690.417	30.053.516.382
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.163.524.552.445	2.164.652.836.225

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Ngọc Út

Phạm Thanh Vương

Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,612,088,215,972	1,609,235,695,651
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	131,962,622	33,561,600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		1,611,956,253,350	1,609,202,134,051
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,405,516,145,584	1,411,457,818,734
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		206,440,107,766	197,744,315,317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	30,850,011,542	57,458,338,468
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	38,891,518,075	31,185,806,155
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		37,118,718,819	21,820,405,307
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	108,475,883,491	128,529,215,691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	25,777,533,083	25,127,087,453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64,145,184,659	70,360,544,486
11. Thu nhập khác	31	VI.8	13,485,159,569	22,314,522,472
12. Chi phí khác	32	VI.9	441,766,822	7,021,438,250
13. Lợi nhuận khác	40		13,043,392,747	15,293,084,222
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết liên doanh			-	(7,563,146)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77,188,577,406	85,646,065,562
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	16,687,984,420	22,792,759,335
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(812,098,862)	(725,223,534)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		61,312,691,848	63,578,529,761
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	523	634

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc









Đỗ Thị Ngọc Út

Phạm Thanh Vươ

Quách Thành Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.541.175.592.841	1.275.275.208.395
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.282.018.304.898)	(1.875.103.790.673)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(50.238.114.828)	(40.309.864.725)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(38.050.050.599)	(21.976.330.649)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(12.795.399.921)	(18.459.358.212)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	VII.1	99.752.024.752	104.852.641.940
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	VII.2	(140.485.301.285)	(128.192.246.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.340.446.062	(703.913.740.109)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(127.410.647.810)	(35.276.462.373)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		16.966.608.678	4.893.447.172
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(645.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		295.495.071.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(399.502.150.000)	(187.950.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.536.170.000	543.092.925.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.049.408.476	2.131.011.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(150.865.539.656)	(318.109.078.307)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	839.999.662.500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.115.303.462.342	1.008.255.923.899
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.055.024.052.203)	(822.526.024.151)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(116.167.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		60.279.410.139	1.025.613.394.654
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		26.754.316.545	3.590.576.238
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.493.429.896	18.920.080.834
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		12.439.846	(17.227.176)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		49.260.186.287	22.493.429.896

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Đỗ Thị Ngọc Út

Phạm Thanh Vương

Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 50 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2016****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN - TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030124080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, P Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 1.172.993.140.000 đồng

Bằng chữ: Một nghìn một trăm bảy mươi hai tỷ chín trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ**3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất hóa chất cơ bản.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón. Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán hạt nhựa
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp : chi tiết sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết : mua bán giống cây trồng, hạt giống, cung cấp giống cây trồng.
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp, Chi tiết : Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
- Trồng cây lấy sợi
- Trồng cây có hạt chứa dầu
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Trồng cây ăn quả, trồng cây điều, trồng cây hồ tiêu, trồng cà phê, cây gia vị, cây dược liệu.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : cho thuê máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược.
- Cho thuê xe có động cơ, Chi tiết : cho thuê xe tải.
- Quảng cáo, chi tiết, dịch vụ quảng cáo thương mại.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết : dịch vụ nghiên cứu thị trường.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết : dịch vụ tiếp thị.

Các chi nhánh của Công ty:

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI tại Đồng Nai

Địa chỉ : ấp Trần Cao Vân xã Bầu Hàm 2, huyện Thống nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Thừa Thiên Huế

Địa chỉ : 606 Lê Duẩn, phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Vĩnh Long

Địa chỉ : Tổ 33, ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Kiên Giang

Địa chỉ : số 97A, ấp Phước Ninh, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Tiền Giang

Địa chỉ : Km 1990, quốc lộ 1, ấp Mỹ Cần, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Nghệ An

Địa chỉ : số 19, đường Nguyễn Tiềm, khối 11, phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Sóc Trăng

Địa chỉ : ấp Tân Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - An Giang

Địa chỉ : ấp Hòa Phú 1, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Cần Thơ

Địa chỉ : Lô 30A4 khu công nghiệp Trà Nóc I, P Trà Nóc, Q Bình Thủy, TP Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Hà Nội

Địa chỉ : Phòng 2404 nhà 24T1 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Q Cầu Giấy, Hà Nội, VN

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đồng Tháp

Địa chỉ : số 407 Nguyễn Trãi, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Lâm Đồng

Địa chỉ : số 25A, tổ 10 thôn Phi Nôm, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Sơn La

Địa chỉ : Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đắk Lắk

Địa chỉ : Số 472, đường Võ Văn Kiệt, P Khánh Xuân, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Thanh Hóa (thành lập ngày 07/05/2015)

Địa chỉ : 07/775 Nguyễn Trãi, Phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Các công ty con :

Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.

Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1. Kỳ kế toán :

Trước đây kỳ kế toán của đơn vị từ ngày 01/10 năm trước đến 30/09 năm sau

Kỳ kế toán chuyển đổi là kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015

Kể từ năm 2016 đơn vị thực hiện kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đây là Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).**III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư

1. số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Nông Dược HAI, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:**a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
 - + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
 - + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

- + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

- + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

- + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

- + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.

- + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.

- + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

- + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

- + Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

+ Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm

Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thoả thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thoả thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm

- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

+ Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.544.140.722	1.185.568.143
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	3.996.064.024	990.756.755
<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	114.302.212	51.581.907
<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>	396.377.249	116.497.879
<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	37.397.237	26.731.602
Tiền gửi Ngân hàng	32.716.045.565	21.307.861.753
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	29.690.826.345	16.464.374.455
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	28.909.230.349	14.836.763.912
<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	145.181.642	265.132.003
<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.</i>	41.414.945	301.109.040
<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	594.999.409	1.061.369.500
Tiền gửi Ngân hàng ngoại tệ	3.025.219.220	4.843.487.298
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	3.022.343.143	4.840.613.272
<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.</i>	2.353.872	2.319.654
<i>Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An</i>	522.205	554.372
- Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	12.000.000.000	
Hợp đồng tiền gửi (1 tháng) NH ĐT và phát triển (*)	10.000.000.000	-
Tiền gửi tiết kiệm NH Viettinbank (**)	2.000.000.000	-
Cộng	49.260.186.287	22.493.429.896

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số .../HĐT.G.310.3630041 ngày 09/12/2016 và phụ lục HĐTG; Kỳ hạn gửi 1 tháng, lãi suất 4.3%/năm.

(**) Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số : PB 0251091 ngày 30/12/2016; Kỳ hạn gửi : 1 tháng, lãi suất 4.3% tại ngân hàng ViettinBank

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a Ngắn hạn</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>287.500.000.000</i>
Đầu tư vào các bên liên quan	-	287.500.000.000
Đầu tư khác - Cty CP ĐT địa ốc ALASKA (1)	-	287.500.000.000
Đầu tư vào các bên không liên quan	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 2 (2)	5.000.000.000	-
<i>b Đầu tư dài hạn:</i>	<i>335.404.929.000</i>	<i>-</i>
Đầu tư vào các bên không liên quan	335.404.929.000	-
Đầu tư khác - Công ty CP đầu tư và TM SCO (3)	335.404.929.000	-
Cộng	340.404.929.000	287.500.000.000

(1): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015//HĐKT/ALASKA - HAILAND ngày 10/3/2015, hợp đồng hợp tác đầu tư này để thực hiện đầu tư, xây dựng và khai thác dự án khu chức năng đô thị Đại Mỹ tại tổ dân phố Thập, phường Đại Mỹ, Quận Từ Liêm, TP Hà Nội. Hợp đồng đã được tất toán trong kỳ.

(2): Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 81.15.103.2355569.TG.CIB ngày 18/8/2015, kỳ hạn gửi: 06 tháng, lãi suất: 5,4%/năm.

(3): Là khoản ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SCO theo các Hợp đồng sau:

Tên hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền
HĐ số 2106/HĐHT/SCO-HAI	21/06/2016	14.504.929.000
HĐ số 2206/HĐHT/SCO-HAI	22/06/2016	27.500.000.000
HĐ số 2306/HĐHT/SCO-HAI	23/06/2016	28.000.000.000
HĐ số 2406/HĐHT/SCO-HAI	24/06/2016	28.000.000.000
HĐ số 2506/HĐHT/SCO-HAI	25/06/2016	29.500.000.000
HĐ số 2606/HĐHT/SCO-HAI	26/06/2016	29.500.000.000
HĐ số 2706/HĐHT/SCO-HAI	27/06/2016	29.000.000.000
HĐ số 2806/HĐHT/SCO-HAI	28/06/2016	29.000.000.000
HĐ số 2906/HĐHT/SCO-HAI	29/06/2016	44.000.000.000
HĐ số 2610/HĐHT/SCO-HAI	26/10/2016	3.000.000.000
HĐ số 2710/HĐHT/SCO-HAI	27/10/2016	2.000.000.000
HĐ số 2812/HĐHT/SCO-HAI	28/12/2016	21.400.000.000
HĐ số 2912/HĐHT/SCO-HAI	29/12/2016	50.000.000.000

Thời hạn của các hợp đồng trên là 3 năm, lãi suất hợp đồng thay đổi từ 7% đến 10%.

3. Các khoản đầu tư tài chính

TT	Đầu tư vào đơn vị khác	Số cuối năm				Số đầu năm			
		SLCP	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn	71.500	2.249.390.000	(962.390.000)	1.287.000.000	71.500	2.249.390.000	(1.091.090.000)	1.158.300.000
2	Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật (1)	350.855	52.628.250.000	-	52.628.250.000		-	-	-
	Tổng cộng		54.877.640.000	(962.390.000)	53.915.250.000		2.249.390.000	(1.091.090.000)	1.158.300.000

(1) Công ty TNHH Địa ốc HAI chuyển tiền mua cổ phiếu của Ông Lê Tân Sơn cá nhân này sở hữu cổ phần tại Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật vào ngày 28/4/2016.

4.	Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu khách hàng ngắn hạn	865.039.512.888	27.691.371.287	714.374.137.190	26.478.100.155
<i>a</i>	<i>Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>832.754.434.563</i>	<i>27.691.371.287</i>	<i>644.742.293.290</i>	<i>26.478.100.155</i>
-	Công ty Cổ phần Nông dược HAI				
	Branch of hai agrochem joint stock company	19.362.589.261		8.348.784.034	
	Cagrochem company limited	4.919.218.982		10.361.499.201	
	Công ty CP Hiệp phú	18.735.292.340		18.935.292.340	
	Công ty CP Long Hiệp	18.403.724.121		1.994.244.250	
	Công ty CP thức ăn chăn nuôi Spotlight	21.643.158.500		28.343.158.500	
	Công ty CP xuất nhập khẩu tạp phẩm	12.944.520.000		13.344.520.000	
	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	-		11.536.170.000	
	Công ty CP Hooc Môn	10.025.588.379		13.272.418.245	
	Công ty TNHH SX TM DV bột mỳ Thủ Đức	17.951.363.160		17.951.363.160	
	Cửa hàng Nguyễn Văn Ka	11.053.015.000		14.111.240.000	
	Cửa hàng phân bón thuốc trừ sâu Phạm Thị Thu Bảy	19.344.958.089		1.459.526.247	
	Cửa hàng vật tư nông nghiệp	11.600.788.080	6.693.358.616	11.723.458.531	6.534.365.141
	Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhựt Thông	40.304.377.105		20.347.535.015	
	Cửa hàng vật tư nông nghiệp Phạm Trường Giang	11.536.890.521		8.793.180.852	
	Cửa hàng vật tư nông nghiệp Văn Lang	15.191.103.534		12.871.167.005	
	Cửa hàng vật tư nông nghiệp Phạm Thị Xuyên	27.080.062.770		23.253.515.281	
	Đại lý Đặng Thanh Tùng	21.431.036.266		5.570.580.420	
	Hoàng Thị Thu Hà	11.992.500.000		11.992.500.000	
	Trịnh Thị Thanh Huyền	15.007.500.000		15.007.500.000	
	Khách hàng khác	206.871.754.004	20.998.012.671	211.537.501.936	19.943.735.014
-	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.				
	Công Ty TNHH Sáu Gạo	586.071.246	-	1.054.711.237	-
	Nguyễn Hữu Ân	420.023.999	-	256.975.594	-

Đại Lý VTNN Lan Ưu	384.230.965	-	379.828.110	-
Đại Lý Bảo Quốc	404.415.921	-	417.228.439	-
Nguyễn Đình Tánh	523.864.623	-	682.779.372	-
Nguyễn Thị Tuyết Phương	957.198.157	-	219.733.774	-
Đại Lý Thiên Thanh	788.072.149	-	1.000.228.703	-
Nguyễn Đức On	230.037.907	-	350.658.380	-
Võ Thị Như Anh	667.933.316	-	656.076.535	-
Công ty TNHH Thương Mại HK	135.013.814	-	185.013.814	-
Nguyễn Hữu Tín	113.596.588	-	192.564.588	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Nông Nghiệp Hiệp Thành	468.595.601	-	759.317.601	-
Đại Lý Xuân Anh	146.485.456	-	247.985.456	-
Ngô Mộng Vỹ	159.400.715	-	202.300.715	-
Đại lý vật tư nông nghiệp Thanh Hương	1.243.170.560	-	372.028.070	-
Đại lý Bình Hồng	649.220.169	-	295.983.160	-
Đối tượng khác	15.264.535.752	-	9.481.360.426	-
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.				
Công ty CP vật tư thiết bị và xây dựng đô thành Hà nội	291.490.472.000	-	-	-
Công ty CP Xây dựng Faros	2.253.344.214	-	2.776.053.000	-
Công ty TNHH TM DV cung cấp suất ăn công nghiệp Minh Hiếu	13.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam	456.311.299	-	164.456.311.299	-
- Công ty TNHH SX & TM HAI Long An				
b Phải thu khách hàng là các bên liên quan	32.285.078.325	-	69.631.843.900	-
- Công ty Cổ phần Nông được HAI				
Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Vĩnh Phúc	6.000.000		69.006.000.000	

	Công ty CP tập đoàn FLC	378.091.565		-	
-	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An				
	Công ty Cổ Phần Công Nghệ OTP FLC Việt Nam	-	-	31.843.900	-
	Cty Cổ Phần Hoá Chất Và Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	30.025.706.600	-	-	-
-	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		-		
	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	1.875.280.160		594.000.000	-
	Cộng	865.039.512.888	27.691.371.287	714.374.137.190	26.478.100.155
5.	Trả trước cho người bán		Số cuối năm	Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Trả trước khách hàng ngắn hạn	101.791.157.154	-	32.057.365.062	-
a	Trả trước khách hàng không là các bên liên quan	101.791.157.154	-	32.057.365.062	-
-	Công ty Cổ phần Nông dược HAI				
	Công ty TNHH Công nghệ Môi Trường Nông lâm	4.769.362.350		1.836.000.000	
	Công ty CP Cơ điện Tam Phát	5.047.542.180		1.485.938.750	
	Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật Song Hiệp Lợi	-		4.100.824.500	
	Công ty TNHH Xây dựng Kiến Nguyên	8.293.602.400		2.362.200.000	
	Công ty TNHH Thiết kế xây dựng TM Kiến Gia Thành	161.851.800		3.886.567.161	
	Khách hàng lẻ	1.469.860.373		9.217.203.323	
	Các khách hàng khác	9.862.860.966		7.438.311.986	
-	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.				
	Khách hàng khác	70.000.000	-	-	-
-	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An				
	Công ty TNHH Xây Dựng Kiến Nguyên	26.500.000.000	-	-	-
	Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm	6.200.000.000	-	-	-
	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Ship Cons	6.947.576.690	-	-	-
	Công ty Cổ Phần Cơ Điện Tam Phát	12.800.000.000	-	-	-
	Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Ngọc Đình Phong	2.779.874.615	-	-	-

	Công ty TNHH SX TM DV Cơ Khí Việt Tâm	4.500.000.000	-	-	
	Công Ty Cổ Phần Ngọc Phong	1.758.440.002	-	179.379	
	Khách hàng khác	3.298.862.601	-	1.323.891	
-	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .				
	Công ty TNHH xây dựng Kiến Nguyên	6.770.423.177	-	1.728.816.072	
	Công ty TNHH đầu tư và XD Tấn Đạt	560.900.000			
b	Trả trước khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	
6.	Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1	Phải thu khác ngắn hạn	16.945.740.079	-	38.136.281.260	-
a	Phải thu khác - TK 138	8.318.671.001	-	31.130.170.862	-
	Phải thu khác các bên không liên quan	7.702.080.542	-	170.653.054	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		-		
	+ Công ty CP BVTV Sài Gòn: (Cổ tức)	71.500.000		-	
	+ Phải thu các đối tượng khác	855.746.902		157.493.281	
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	-	-	1.338.025	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .				
	+ Công ty CP Đầu tư và Thương mại SCO	6.724.547.000	-	-	-
	+ Phải thu các đối tượng khác	39.300.000	-	8.600.000	-
	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An				
	+ Phải thu các đối tượng khác	10.986.640	-	3.221.748	
	Phải thu khác các bên liên quan	616.590.459	-	30.959.517.808	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .				
	Cty Cổ phần đầu tư địa ốc ALASKA	616.590.459	-	30.959.517.808	-
b	Phải thu về tạm ứng	8.056.069.078	-	6.738.229.200	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	7.160.184.758	-	6.056.990.300	-

	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	44.612.300	-	373.740.990	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	843.272.020		234.497.910	
	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An	8.000.000		73.000.000	
b	Phải thu về ký quỹ, ký cược ngắn hạn	571.000.000	-	267.881.198	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	571.000.000	-	267.881.198	-
6.2	Phải thu khác dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
	Phải thu về ký quỹ, ký cược dài hạn				
	Ký quỹ Taxi Vinasun	3.000.000	-	3.000.000	-
	Ký quỹ Taxi Mailinh	3.000.000	-	3.000.000	-
	Ký quỹ Công ty Điện lực Thanh Hóa	4.000.000	-	4.000.000	-
6.3	Tài sản thiếu chờ xử lý				
	Hàng tồn kho	2.185.169.138	-	2.187.243.138	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	2.185.169.138	-	2.185.169.138	-
	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An	-	-	2.074.000	-
7.	Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Hàng mua đang đi đường	2.080.000.000	-	-	-
	Nguyên liệu vật liệu	7.544.675.446	-	10.367.329.364	-
	Chi phí SXKD dở dang	8.250.940.227	-	4.924.730.412	-
	Thành phẩm	24.886.192.520	-	18.517.954.511	-
	Hàng hóa (giá mua và chi phí thu mua)	320.314.617.558	-	383.099.056.972	-
	Hàng hóa bất động sản	146.395.152.105	-	472.360.212.729	-
	Hàng gửi bán	76.425.161.104	-	28.515.236.870	-
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	585.896.738.960	-	917.784.520.858	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu năm	42.571.226.027	6.743.843.558	24.790.613.073	650.013.121	132.454.560	74.888.150.339
- Mua trong năm	-	43.922.040.200	1.409.235.454	967.398.818	328.690.000	46.627.364.472
- XDCB hoàn thành	1.627.735.122	-	952.350.836	-	-	2.580.085.958
- Tăng khác	9.648.325	-	-	-	-	9.648.325
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	21.517.650.000	148.654.524	-	-	21.666.304.524
- Giảm khác do hợp nhất	6.328.630	-	-	30.250.000	-	36.578.630
Số dư cuối năm	44.202.280.844	29.148.233.758	27.003.544.839	1.587.161.939	461.144.560	102.402.365.940
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.774.061.468	5.898.713.388	12.134.254.354	306.778.401	7.402.586	29.121.210.197
- Khấu hao trong năm	2.326.615.036	856.404.967	2.656.733.791	277.353.534	85.289.724	6.202.397.052
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	148.654.524	-	-	148.654.524
- Giảm khác	30.054.794	-	-	30.250.000	-	60.304.794
Số dư cuối năm	13.070.621.710	6.755.118.355	14.642.333.621	553.881.935	92.692.310	35.114.647.931
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu năm	31.797.164.559	845.130.170	12.656.358.719	343.234.720	125.051.974	45.766.940.142
- Tại ngày cuối năm	31.131.659.134	22.393.115.403	12.361.211.218	1.033.280.004	368.452.250	67.287.718.009

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính, website	Giấy phép và giấy nhượng quyền	TSCĐVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định							
Số dư đầu năm	67.724.278.632	593.310.000	1.621.260.478	2.015.003.321	454.402.000	1.353.957.570	73.762.212.001
- Mua trong năm	-	-	-	106.818.182	-	-	106.818.182
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	67.724.278.632	593.310.000	1.621.260.478	2.121.821.503	454.402.000	1.353.957.570	73.869.030.183
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	8.483.185.067	201.031.965	1.596.206.911	1.855.038.630	90.880.392	194.533.054	12.420.876.019
- Khấu hao trong năm	1.271.716.980	79.736.244	25.053.567	79.449.336	45.440.196	27.379.788	1.528.776.111
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác do hợp nhất	1.723.755	-	-	-	-	-	1.723.755
Số dư cuối năm	9.753.178.292	280.768.209	1.621.260.478	1.934.487.966	136.320.588	221.912.842	13.947.928.375
Giá trị còn lại của TSCĐ							
- Tại ngày đầu năm	59.241.093.565	392.278.035	25.053.567	159.964.691	363.521.608	1.159.424.516	61.341.335.982
- Tại ngày cuối năm	57.971.100.340	312.541.791	-	187.333.537	318.081.412	1.132.044.728	59.921.101.808

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

10. Chi phí XDCB dở dang:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>		
Đăng ký tên sản phẩm	1.810.700.000	-
Dự án đo đạc, bản vẽ 364 KDV	31.737.905	-
Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 90	453.333.333	-
Dự án nhà máy SX Nông dược HAI	1.411.372.368	405.000.000
Dự án cao tốc VP Trung tâm thương mại HAI	30.000.000	30.000.000
Chi phí mua sắm TSCĐ và cải tạo nội thất...	-	720.692.397
Chi phí chuyển nhượng đất Nông nghiệp tại Kiên Giã	4.610.909	-
<i>Công ty TNHH Nông Dược HAI Quy Nhơn</i>		
Chi phí đăng ký tên hàng	70.800.000	46.000.000
Cộng	3.812.554.515	1.201.692.397
11. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>11.958.821.697</i>	<i>3.025.516.971</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê văn phòng	169.136.366	210.315.584
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê dịch vụ	188.635.190	129.375.876
Chi phí trả trước bảo hiểm, phí đường bộ	138.735.944	375.950.692
Chi phí trả trước sửa chữa, phụ tùng thay thế và CCD	786.529.393	2.092.268.506
Chi phí trả trước khác	10.675.784.804	217.606.313
<i>11.2 Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>6.648.823.242</i>	<i>3.713.402.068</i>
Phí lệ phí trả trước cho nhiều năm	574.075.757	384.606.679
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.288.927.277	1.546.387.796
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.764.637.791	1.706.326.343
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.182.417	76.081.250
<i>11.3 Lợi thế thương mại</i>	<i>6.279.060.299</i>	<i>7.017.773.275</i>
LTTM mua Công ty HAI - Long An	6.279.060.299	7.017.773.275
12. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
13. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	211.810.985.310	356.093.044.799
<i>a Phải trả người bán không là các bên liên quan</i>	<i>209.920.459.310</i>	<i>351.121.740.999</i>
- <i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>		
Công ty Cổ phần Long Hiệp	22.629.602.720	1.718.481.608

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

DOW AGROSCIENCES (MALAYSIA) SDN BHD	84.971.678.400	101.965.787.070
Các khách hàng khác	78.361.044.645	47.134.328.387
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An		
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Tây Bình Tây Sơn	17.820.000	-
Công ty TNHH Minh Long	53.550.000	9.075.000
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .		
Công ty Cổ phần AMD Group	7.420.140.000	16.420.140.000
Công ty Đầu tư tài chính và quản lý tài sản RTS	6.175.766.481	6.175.766.481
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và XNK Viettex	90.923.923	167.690.923.923
Phải trả khác	165.131.527	576.445.620
- Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		
Công ty Cổ Phần Đồng Xanh	4.589.171.775	8.321.275.501
Công ty Cổ Phần An Hiệp Xanh	3.681.674.850	-
Khách hàng khác	1.763.954.989	1.109.517.409
b Phải trả người bán là các bên liên quan	1.890.526.000	4.971.303.800
- Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		
Công ty CP Hóa chất và Vật tư khoa học kỹ thuật	1.854.376.000	-
Công ty cổ phần liên doanh đầu tư Quốc Tế KLF		23.405.800
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .		
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	36.150.000	4.934.000.000
Công ty Cổ phần liên doanh đầu tư quốc tế KLF	-	13.898.000
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An		
Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán		

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước - phụ lục 2

15. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	963.418.171	846.541.325
Chi phí khác	409.978.355	2.125.988.889
Cộng	1.373.396.526	2.972.530.214

16. Các khoản phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.281.713.558	2.644.485.467
Kinh phí Công Đoàn	92.725.176	28.026.056

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

Bảo hiểm xã hội	83.154.366	223.818.786
Bảo hiểm Y Tế	5.663.250	38.737.980
Bảo hiểm thất nghiệp	2.517.000	17.216.880
Nhận kí cược kí quỹ ngắn hạn	2.245.564.000	2.245.564.000
Công ty cổ phần Long Hiệp	55.346.469	55.346.469
Công ty mua bán nợ & TSTD của DN- CN TPHCM	8.500.000	8.500.000
Monsanto Thailan Limited	-	23.869.392
Lê Tân Sơn	1.526.100.000	0
Phải trả khác	258.737.393	-
Dư có TK138	3.405.904	3.405.904
17. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Nông Dược HAI</i>	-	21.945.681
<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI</i>	11.227.655.454	6.160.048.182
Nhà biệt thự mẫu khu sân Golf xã Nhơn Lý, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	-	6.160.048.182
Thi công nhà biệt thự 1 tầng khu sân Golf- Dự án: Quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp FLC Nhơn lý	5.856.152.727	-
Thi công nhà biệt thự 1 tầng khu sân Golf- Dự án: Quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp FLC Nhơn lý	5.371.502.727	-
Cộng	11.227.655.454	6.181.993.863
18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.035.590.979	456.238.436
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	1.035.590.979	456.238.436
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	42.269.469	275.015.789
Cộng thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	42.269.469	275.015.789

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	347.999.820.000	-	17.869.440.459	130.446.763	23.757.782.089	389.757.489.311
- Tăng vốn trong năm trước	824.993.320.000	167.999.932.500				992.993.252.500
- Lãi trong năm trước					63.578.529.761	63.578.529.761
- Tăng trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn năm trước			287.377.652	59.376.121		346.753.773
- Tăng khác			309.446.612		689.282.565	998.729.177
- Giảm do chia cổ tức, trích quỹ năm trước		130.419.932.500	-		22.624.124.590	153.044.057.090
- Giảm khác năm trước		615.509.979	-	189.822.884		805.332.863
2. Số dư cuối năm trước	1.172.993.140.000	36.964.490.021	18.466.264.723	-	65.401.469.825	1.293.825.364.569
3. Số dư đầu năm này	1.172.993.140.000	36.964.490.021	18.466.264.723	-	65.401.469.825	1.293.825.364.569
- Tăng vốn trong năm này			9.810.220.474			9.810.220.474
- Lãi trong năm					61.312.691.848	61.312.691.848
- Tăng khác do hợp nhất					10.909.910	10.909.910
- Giảm do trích lập quỹ KTPL trong năm					16.395.765.576	16.395.765.576
- Giảm khác trong năm		13.200.000	20.000.000		608.069.976	641.269.976
4. Số dư cuối năm	1.172.993.140.000	36.951.290.021	28.256.485.197	-	109.721.236.031	1.347.922.151.249

Note: Số liệu so sánh năm trước năm của đơn vị được tính từ 1/1/2015 đến 31/12/2015, niên độ kế toán trước của đơn vị là 1/10/2014 đến 30/09/2015.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
Cộng		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:			
		Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu năm		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
Vốn góp tăng trong năm		-	-
Vốn góp giảm trong năm		-	-
Vốn góp cuối năm		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
D. Cổ phiếu		Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		117.299.314	117.299.314
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		117.299.314	117.299.314
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		117.299.314	117.299.314
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		117.299.314	117.299.314
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		117.299.314	117.299.314
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
Đ. Các quỹ doanh nghiệp		Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển		28.256.485.197	18.466.264.723
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)			
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán, VT, hàng hóa, thành phẩm		1.590.632.691.150	1.570.373.624.184
Doanh thu xây dựng		6.160.048.182	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ		15.295.476.640	38.862.071.467
Cộng		1.612.088.215.972	1.609.235.695.651
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		131.962.622	33.561.600
+ Hàng bán bị trả lại		131.962.622	33.561.600
3. Giá vốn hàng bán		Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán		1.387.873.356.335	1.379.071.010.998
Giá vốn xây dựng		6.366.569.237	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		11.276.220.012	32.386.807.736
Cộng		1.405.516.145.584	1.411.457.818.734

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	66,060,966	462,642,015
Lãi cho vay	410,821,286	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,275,080,638	1,660,600,901
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	73,333,947
Lãi ủy thác đầu tư	26,086,548,652	31,959,517,808
Lãi bán cổ phiếu	-	22,285,460,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,011,500,000	1,016,783,797
Cộng	30,850,011,542	57,458,338,468
5. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	37,118,718,819	21,820,405,307
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong năm	1,791,724,240	10,127,532,189
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	13,105,369,328
Hoàn nhập, trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư n	(128,700,000)	(13,876,808,994)
Chi phí tài chính khác	109,775,016	9,308,325
Cộng	38,891,518,075	31,185,806,155
6. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	42,176,179,596	46,348,661,659
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	3,313,200,672	4,211,372,310
Chi phí khấu hao TSCĐ	4,949,281,942	4,134,025,317
Phí, thuế, lệ phí	-	895,895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,216,189,183	17,726,446,952
Chi phí bằng tiền khác	33,821,032,098	56,107,813,558
Cộng	108,475,883,491	128,529,215,691
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	13,219,163,551	12,444,885,210
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	714,605,638	696,657,633
Chi phí KH TSCĐ	1,506,762,165	287,211,878
Chi phí, phí lệ phí	1,166,770,822	748,357,171
Phân bổ lợi thế thương mại	374,157,356	301,230,971
Chi phí trích lập dự phòng	1,213,271,132	4,492,170,167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,573,068,939	3,211,910,667
Chi phí bằng tiền khác	4,009,733,480	2,944,663,756
Cộng	25,777,533,083	25,127,087,453
8. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

Hỗ trợ khảo nghiệm sinh học hoạt chất Fosthiazate		107.350.000
Hỗ trợ quảng cáo SP, hỗ trợ khuyến mại, chiết khấu thanh toán và bồi thường		21.363.766.326
Thu tiền phạt	47.648.696	262.868.505
Thu thanh lý tài sản	11.636.364	14.506.520
Thu khác	13.425.874.509	566.031.121
Cộng	13.485.159.569	22.314.522.472

9. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm thanh toán lãi tiền vay, thuế, phạt	308.065.381	6.750.811.384
Chi phí thanh lý tài sản cố định	133.701.439	182.578.247
Chi phí khác	2	88.048.619
Cộng	441.766.822	7.021.438.250

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.687.984.420	22.792.759.335
Cộng	16.687.984.420	22.792.759.335

Chi phí thuế TNDN hiện hành là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho năm hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 và sẽ được điều chỉnh khi công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	1.470.473.048.066	1.437.874.910.525
Chi phí CCDC, đồ dùng	2.469.611.846	1.343.492.295
Chi phí nhân viên	60.607.037.791	61.579.716.285
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.779.995.187	6.590.415.405
Thuế, phí, lệ phí	374.157.356	301.230.971
Trích lập dự phòng	1.213.271.132	4.492.170.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.457.818.459	48.328.423.507
Chi bằng tiền khác	37.553.022.520	61.397.848.196
Cộng	1.615.927.962.357	1.621.908.207.351

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61.312.691.848	63.578.529.761
Quỹ khen thưởng đã trích/tạm trích	6.131.269.185	6.072.497.451
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	117.299.314	34.799.982
Số cổ phiếu phát hành thêm	-	82.499.332
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	117.299.314	90.710.725
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	470	634

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

Năm nay

1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm	1.115.303.462.342
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã trả trong năm	1.055.024.052.203

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	49.260.186.287	49.260.186.287
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	983.776.410.121	958.270.207.972

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công nợ tài chính tại
31/12/2016**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	211.810.985.310	-	211.810.985.310
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.281.713.558	-	4.281.713.558
Chi phí phải trả	1.373.396.526	-	1.373.396.526
Vay và nợ thuê tài chính	488.139.072.484	51.398.405.305	539.537.477.789

Quản lý rủi ro tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác

2.1 Ngoài danh sách các thành viên trong HĐQT, BGĐ và BKS các bên có liên quan khác bao gồm:

Tên tổ chức/cá nhân có liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	Công ty con
Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Cổ đông lớn; Mr Vinh là Phó chủ tịch; Trần Thế Anh là Phó TGD; Nguyễn Bình Phương TV BKS
Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	Công ty liên kết của FLC ; Lê Văn Säck và Nguyễn Bình Phương là TV BKS; Trần Thế Anh là TV HĐQT; Nguyễn Thiện Phú là TBKS
Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Vĩnh Phúc	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn FLC
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn FLC
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska	Công ty Liên kết của Công ty CP Tập đoàn FLC
Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật	Ông Trần Thế Anh ủy viên HAI là CT HĐQT
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	Ông Lê Thành Vinh là Chủ tịch hội đồng quản trị, ông Doãn Văn Phương là TV HĐQT
Ông Phạm Văn Nùng	Cổ đông lớn

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

	Năm nay
Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF	26.855.000.000
Công ty CP tập đoàn FLC	4.711.270.214
Công ty Cổ Phần Hoá Chất Và Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	52.578.812.000
Cộng	84.145.082.214

2.3. Mua hàng hóa dịch vụ

	Năm nay
Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF	11.009.740.454
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	411.306.245
Công ty Cổ Phần Hoá Chất Và Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	36.835.285.000
Cộng	48.256.331.699

2.4. Đầu tư

	Năm nay
Công ty CP Hóa chất và Vật tư khoa học kỹ thuật	52.628.250.000
Cộng	52.628.250.000

Note: Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật Mr Trần Thế Anh là TV BKS của HAI đồng thời là CT HĐQT của Công ty CP Hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật. Số cổ phiếu được mua lại từ cá nhân là Lê Tân Sơn . Số cổ phần mua là 350.855 CP. Giá mua 150.000 đồng/ cổ phần.

2.5 Các khoản phải thu

Tại ngày 31/12/2016 Tại ngày 01/01/2016

Công ty Cổ phần Công nghệ OTP FLC Việt Nam	-	31.843.900
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska	616.590.459	30.959.517.808
Công ty TNHH đầu tư và phát triển FLC Vĩnh Phúc	6.000.000	69.006.000.000
Công ty CP Hoá Chất Và Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	30.025.706.600	-
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	2.253.371.725	594.000.000

2.6 Các khoản phải trả

Tại ngày 31/12/2016 Tại ngày 01/01/2016

Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	36.150.000	4.934.000.000
Công ty CP Hoá Chất Và Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	1.854.376.000	-
Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF		37.303.800

2.7 Đầu tư khác

Tại ngày 31/12/2016 Tại ngày 01/01/2016

Công ty Cổ phần Địa Ốc Alaska	-	282.500.000.000
Công ty CP Hoá Chất Và Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	52.628.250.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

2.8 Thu nhập HĐQT và các thành viên chủ chốt**Năm nay**

Thu nhập HĐQT và các thành viên chủ chốt

4.829.595.809

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các mặt hàng chính sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Nguyên liệu
- Thuốc kích thích tăng trưởng
- Hạt giống
- Dịch vụ quảng cáo, khuyến mãi

Doanh thu bán hàng theo khu vực địa lý:**Năm nay**

Bán hàng tại Việt Nam

1.582.598.661.932

Bán hàng tại Campuchia

29.489.554.040

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

năm nay	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Thuốc BVTV	1.041.174.480.455	878.644.895.645	736.854.842.242
Phân bón, thuốc kích thích tăng trưởng	54.410.255.981	38.462.083.204	15.948.172.777
Dung môi	1.029.743.600	950.792.893	78.950.707
Hàng nông sản	16.203.583.900	14.659.862.838	1.543.721.062
Giống	127.791.044.110	128.255.793.772	(464.749.662)
DV quảng bá khuyến mại	5.289.186.842	5.281.168.589	8.018.253
Thuê kho, vận chuyển	699.040.650	(2.329.874.156)	3.028.914.806
Doanh thu bán hàng khác	350.023.583.104	326.703.665.133	23.319.917.971
Doanh thu xây dựng	6.160.048.182	6.366.569.237	(206.521.055)
Khác	9.307.249.148	8.521.188.429	786.060.719

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

Các chi phí không phân bổ theo BP

- (134.253.416.574)

Cộng

-

-

646.643.911.246**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và báo cáo cho năm hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 do đơn vị lập.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

*Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2017***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Đỗ Thị Ngọc Út****Phạm Thanh Vương****Quách Thành Đồng**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục 01**12 Vay và nợ thuê tài chính**

	Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12.1	Vay ngắn hạn	488.139.072.484	488.139.072.484	1.044.820.911.450	1.036.047.576.750	479.527.278.197	479.527.278.197
a	Vay ngắn hạn	480.963.957.484	480.963.957.484	1.037.484.256.037	1.036.047.576.750	479.527.278.197	479.527.278.197
	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - CN Phú Nhuận - VND (1)	42.115.616.700	42.115.616.700	87.016.853.990	72.783.645.540	27.882.408.250	27.882.408.250
	Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn CN Sài Gòn-VND (2)	119.950.975.254	119.950.975.254	244.875.682.442	241.828.186.622	116.903.479.434	116.903.479.434
	Ngân hàng ACB CN Ông Ích Khiêm-VND	-	-		43.261.255.000	43.261.255.000	43.261.255.000
	Ngân hàng Shinhan VN- CNTPHCM - VND	-	-	9.260.147.370	35.027.807.961	25.767.660.591	25.767.660.591
	Ngân hàng Natixis chi nhánh TP.HCM - VND	-	-	37.797.876.450	55.634.221.346	17.836.344.896	17.836.344.896
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN1-TPHCM- VND	12.656.577.706	12.656.577.706	85.278.188.676	172.218.179.105	99.596.568.135	99.596.568.135
	Ngân hàng VIB Sài Gòn - VND	-	-	11.645.290.434	34.309.239.849	22.663.949.415	22.663.949.415

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CNSGD2 TPHCM- VND (3)	18,203,589,207	18,203,589,207	68,210,620,466	99,377,966,939	49,370,935,680	49,370,935,680
	Ngân hàng STANDARD CHARTERED VN - VND	-	-		4,798,105,165	4,798,105,165	4,798,105,165
	Vay cá nhân (Văn phòng)	56,728,000,000	56,728,000,000	58,698,000,000	2,970,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000
	NHTMCP Tiên Phong - CNHCM PGD Bình Tây - VND	-	-	25,765,944,236	52,586,035,961	26,820,091,725	26,820,091,725
	VIETCOMBANK-CN Sài Gòn - VND	31,054,291,824	31,054,291,824	40,110,681,032	51,432,869,114	42,376,479,906	42,376,479,906
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM (4)	192,571,166,793	192,571,166,793	345,780,988,441	153,209,821,648	-	-
	Ngân hàng Nông nghiệp&PTNT CN Phú nhuận-USD	2,383,740,000	2,383,740,000	5,693,982,500	3,310,242,500		-
	Ngân hàng Sacombank CN Bình Định - VND (6)	2,000,000,000	2,000,000,000	750,000,000	-	1,250,000,000	1,250,000,000
	Vay cá nhân (Qui Nhơn)	3,300,000,000	3,300,000,000	4,100,000,000	800,000,000	-	-
	Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Phú Nhuận (HAI Long An)	-		12,500,000,000	12,500,000,000	-	-
b	Nợ dài hạn đến hạn trả	7,175,115,000	7,175,115,000	7,336,655,413	-	-	-
	Ngân hàng Sacombank (7)	95,724,000	95,724,000	95,724,000	-	-	-
	Nợ dài hạn đến hạn trả NHNN và PTNT Việt Nam - CN Phú Nhuận	7,079,391,000	7,079,391,000	7,240,931,413	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

12.2	Vay dài hạn	51,398,405,305	51,398,405,305	74,597,451,305	23,199,046,000	-	-
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phú Nhuận - VND (5)	-	-	16,000,000,000	16,000,000,000	-	-
	Ngân hàng Sacombank (7)	550,345,000	550,345,000	670,000,000	119,655,000	-	-
	NHNN và PTNT Việt Nam - CN Phú Nhuận	50,848,060,305	50,848,060,305	57,927,451,305	7,079,391,000	-	-
	Tổng cộng	539,537,477,789	539,537,477,789	1,119,418,362,755	1,059,246,622,750	479,527,278,197	479,527,278,197

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1604-LAV-201600057 ngày 26/1/2016. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất: 7%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản.
- (2) Hợp đồng tín dụng nguyên tắc ngày 21/09/2015. Thời hạn vay: cụ thể tại theo từng lần giải ngân nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh, bảo lãnh và thanh toán L/C.
- (3) Hợp đồng vay số ngày được thế chấp bằng tài khoản tiền gửi số 81.15.103-2355569.TG.CIB kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5,4%, trị giá 5 tỷ đồng.
- (4) Hợp đồng hạn mức số 01/2016/3630041/HDTD ngày 31/3/2016. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất tại 358 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C.

- Hợp đồng tín dụng số 1604-LAV-201600187 ngày 18/3/2016. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định nhà máy Nông dược HAI. Thời hạn vay: 09 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay: Áp dụng theo hình thức lãi suất có điều chỉnh (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 8,5%/năm. Tài sản thế chấp theo hợp đồng
- (5) thế chấp tài sản số 1604LDS201600146 ngày 18/3/2016 gồm: 02 Dây chuyền chiết rót SC: 7.296.750.000 VND; 01 dây truyền chiết rót EC: 3.169.687.500 VND; 01 máy đóng gói bột dạng ngang, túi đôi: 1.454.175.000 VND; 02 thiết bị hút bụi cho máy đóng gói bột dạng ngang: 134.550.000 VND; 03 máy đóng gói dung dịch dạng ngang, túi đôi: 3.594.037.500 VND; 01 máy đóng gói hạt cốm: 1.863.000.000 VND. Tổng giá trị tài sản thế chấp: 21.517.650.000 VND.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

(6) Hợp đồng: LD 1407600003 ngày 17/3/2014 sửa đổi bổ sung lần 2 vào ngày 04/05/2016 (hạn mức mới là 2 tỷ, thời hạn đến 17/3/2017. Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

(7) Hợp đồng: LD 1626300176 ngày 21/09/2016, Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần, thời hạn đến 21/09/2023.

Tài sản thế chấp là: toàn bộ công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại thửa đất số 72 nhà kho và nhà LV, tờ bản đồ số 16, cum công nghiệp Quang Trung TP Quy Nhơn và 02 ô tô.

<i>Nội dung</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Giá trị còn lại</i>
Nhà kho và nhà làm việc	702.280.132	400.216.275
Xe ô tô bán tải cabin kép hiệu TOYOTA 5 chỗ	557.648.636	38.725.596
Xe ô tô tải thùng biển số 77C-02252	314.983.818	52.727.660
Xe tải thùng kín ISUZU loại NPR 85K	646.797.213	507.556.216
Xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ	952.350.836	912.669.551
Cộng	3.174.060.635	1.911.895.298

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 38244975 - Fax: (08) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục 02**14.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Nội dung		Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a	Thuế GTGT	46.166.329	20.792.861.475	20.768.274.066	70.753.738
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	-	20.234.416.978	20.163.663.240	70.753.738
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		123.634.526	123.634.526	-
	Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	46.166.329	434.809.971	480.976.300	-
b	Thuế TNDN	11.771.301.853	17.294.844.872	12.787.585.903	16.278.560.822
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	11.071.404.577	12.051.483.499	11.669.725.370	11.453.162.706
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	79.529.249	577.278.198	490.275.533	166.531.914
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	569.556.990	4.658.866.202	569.556.990	4.658.866.202
	Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	50.811.037	7.216.973	58.028.010	-
c	Thuế TNCN	171.583.873	2.387.858.012	2.274.631.344	284.810.541
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	125.970.871	2.243.003.697	2.121.801.179	247.173.389
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	38.560.680	68.351.052	84.029.325	22.882.407
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	1.792.500	40.608.044	35.789.294	6.611.250
	Công ty TNHH SX & Thương mại HAI - Long An	5.259.822	35.895.219	33.011.546	8.143.495
d	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	7.321.194	7.321.194	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	-	3.020.376	3.020.376	-
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		4.300.818	4.300.818	

<i>e</i>	Các loại thuế khác	-	23.000.000	23.000.000	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI		15.000.000	15.000.000	-
	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.		2.000.000	2.000.000	-
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .		3.000.000	3.000.000	-
	Công ty TNHH SX & TM HAI - Long An		3.000.000	3.000.000	-
	Cộng	11.989.052.055	40.505.885.553	35.860.812.507	16.634.125.101

14.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Nội dung		Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Thuế GTGT	34.216.474	34.216.474	-	-
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	34.216.474	34.216.474		-
	Thuế XNK	26.344.435	6.618.134.444	6.618.134.444	26.344.435
	Công ty Cổ phần Nông Dược HAI	26.344.435	6.618.134.444	6.618.134.444	26.344.435
	Thuế TNDN	-	-	7.814.018	7.814.018
	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An		-	7.814.018	7.814.018
	Cộng	60.560.909	6.652.350.918	6.625.948.462	34.158.453